TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N1 VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HSST
Ngày: 26 - 02 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N1 VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QL, TỈNH NGHỆ AN.

- TH1nh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ pH1 toà: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Tùng

Bà Hồ Thị Thúy Hằng

- ***Thư ký pH1 tòa***: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Lưu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QL tham gia pH1 tòa***:

Ông Hồ Ngọc Nam - Kiểm sát viên

Trong ngày 26/02/2019 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 14/02/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 25/05/1978 tại: huyện QL, tỉnh Nghệ An, tên gọi khác: không; nơi cư trú: Xóm 10, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn K2, sinh 1945 và con bà Nguyễn Thị Khuyến, sinh 1951; chồng: Trần Đức H, sinh 1974 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/10/2018 đến nay có mặt tại pH1 tòa.

Người bị hại: 1/ Chị Nguyễn Thị O, sinh 1974 - có mặt;

Nơi cư trú: Xóm 10, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

2/ Bà Lê Thị T1, sinh 1958 - có mặt;

Nơi cư trú: Xóm 6, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

3/ Chị Cao Thị T2, sinh 1978 - có mặt;

Nơi cư trú: Xóm 7, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi N1 vụ liên quan:

Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1976 - vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm 4, xã HL, thành phố V, tỉnh Nghệ An;

Người làm chứng:

1/ Anh Trần Đức H, sinh năm 1974 - có mặt.

Nơi cư trú: Xóm 10, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An

2/ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 10, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.
3/ Chị Hồ Thị Thúy H1, sinh năm 1976 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm NP, xã QN, huyện QL, Nghệ An;
4/ Chị Trần Thị C, sinh năm 1971 - vắng mặt.
Nơi cư trú: Khối 9, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An
5/ Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1964 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 10, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.
6/ Ông Đinh Tiến C1, sinh năm 1949 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 10, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An;
7/ Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1975 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 7, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An
8/ Bà Bùi Thị N1, sinh năm 1958 - có mặt;
Nơi cư trú: Khối 9, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An
9/ Anh Nguyễn Quốc T5, sinh năm 1985 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 7, xã QG, huyện QL, Nghệ An;
10/ Chị Chu Thị T6, sinh năm 1980 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 5, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An;
11/ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 7, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.
12/ Anh Trần Văn V, sinh năm 1970 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 8, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.
13/ Chị Trần Thị T7, sinh năm 1981 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 10, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An;
14/ Chị Chu Thị M, sinh năm 1966 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 7, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An
15/ Chị Nguyễn Thị T8, sinh năm 1965 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 10, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An;
16/ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 10, xã QG, huyện QL, Nghệ An;
17/ Bà Lê Thị T9, sinh năm 1955 - vắng mặt.
Nơi cư trú: Xóm 10, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An;
18/ Chị Trương Thị H1, sinh năm 1974 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 10, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.
19/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 9, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An
20/ Bà Trần Thị N, sinh năm 1963 - có mặt;
Nơi cư trú: Xóm 10, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An;

21/ Ông Trần Văn H, sinh năm 1960 - có mặt;

Nơi cư trú: Xóm 5, xã QG, huyện QL, Nghệ An;

22/ Ông Hồ Đức K1, sinh năm 1962 - có mặt;

Nơi cư trú: Xóm 8, xã Quỳnh Hồng, huyện QL, tỉnh Nghệ An;

23/ Bà Hồ Thị K1, sinh năm 1945 - có mặt;

Nơi cư trú: Xóm 10, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

24/ Ông Nguyễn K2, sinh năm 1945 - có mặt;

Nơi cư trú: Xóm 8, xã Quỳnh Hồng, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

25/ Bà Nguyễn Thị T10, sinh năm 1949 - có mặt;

Nơi cư trú: Xóm 10, xã QG, huyện QL, Nghệ An;

26/ Chị Trần Thị H1, sinh năm 1979 - có mặt;

Nơi cư trú: Xóm 7, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An;

27/ Anh Nguyễn T5 Kng, sinh năm 1980 - có mặt;

Nơi cư trú: Xóm 8, xã Quỳnh Hồng, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pH1 tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian năm 2016, 2017 Nguyễn Thị T có vay tiền của một số người dân trong xã và một số xã lân cận, hình thức vay có tính lãi suất theo ngày, mức lãi suất từ 1.000 đến 2.000 đồng/1 ngày/một triệu đồng. Số tiền vay được T sử dụng một phần để lấy vốn mua lúa gạo chăn nuôi, số còn lại T chuyển cho anh trai là Nguyễn Hữu K để đầu tư lắp đặt các công trình lọc nước cho các cơ quan, tổ chức khi có nhu cầu. Quá trình làm ăn, do bị T9a lỗ nên Nguyễn Hữu K không trả tiền lãi và tiền gốc cho T vì vậy T tiếp tục đi vay tiền của người này để trả cho người khác, nên tiền lãi càng ngày càng lớn dẫn đến việc T không còn khả năng trả nợ. Vào trong khoảng tháng 4/2018, do quẫn bách vì việc nợ tiền nên T đã nảy sinh ý định bỏ trốn vào các tỉnh miền nam để trốn nợ và làm T9ê. Trước khi đi vào Miền Nam T đã lừa đảo để chiếm đoạt tài sản cụ T1 như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 01/03/2018 âm lịch *(tức là ngày 16/4/2018 dương lịch)* Nguyễn Thị T đến nhà chị Nguyễn Thị O vay số tiền là 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*) với lãi suất 2000đồng/1 ngày/1 triệu đồng. Mặc dù T biết bản thân không có khả năng trả nợ nhưng để lấy được số tiền trên T đã nói dối với chị O là *"vay tiền về để đáo hạn ngân Hàng"* và hẹn trong vòng 20 ngày sẽ trả cho chị O. Khi nhận tiền T viết giấy vay tiền để lại cho chị O. Số tiền này T sử dụng cá nhân hết mà không đáo hạn ngân Hàng.

- Lần thứ hai: Vào ngày 27/4/2018, vẫn thủ đoạn như trên T đến gặp bà Lê Thị T1 vay số tiền 120.000.000đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*). Để vay được số tiền trên, T cũng nói dối bà T1 là vay tiền để đáo hạn ngân Hàng và hẹn trong vòng 10 ngày sẽ trả, khi vay T có viết giấy hẹn với nội dung như trên rồi giao lại cho bà T1

- Lần thứ ba: Vào ngày 27/5/2018 Nguyễn Thị T lại đến gặp bà Lê Thị T1 rồi tiếp tục vay số tiền là 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*), để lấy được số tiền trên T đã lừa dối

bà T1 là để làm chi phí cho việc đi vay tiền ngân H1ng, bà T1 tin lời nói đó nên đã giao cho T số tiền trên.

- Lần thứ tư: Vào ngày 30/5/2018, vẫn dùng thủ đoạn như trên T tiếp tục đến gặp bà Lê Thị T1 để lừa dối rồi hỏi vay thêm số tiền là 19.000.000đ (*mười chín triệu đồng*), bà T1 tin tưởng nên cũng đã tiếp tục giao cho T số tiền trên.

Như vậy tổng số tiền mà T chiếm đoạt của bà T1 là 159.000.000đ(một trăm năm mươi chín triệu đồng). Tất cả số tiền trên T đã sử dụng mục đích cá nhân.

- Lần thứ năm: Vào ngày 31/5/2018, T đến gặp chị Cao Thị T2 để hỏi vay số tiền là 70.000.000đ (*bảy mươi triệu đồng*). Để chiếm đoạt được số tiền trên T đã lừa dối và nói với chị T2 là vay để đáo hạn ngân Hàng, hai người thỏa Thuận lãi suất 2000đ/1 ngày/một triệu đồng, mặc dù tại thời điểm này T đã có ý định bỏ trốn vào các tỉnh miền nam nhưng vẫn nói dối như vậy làm cho chị T2 tin tưởng mà giao cho T số tiền trên. Số tiền này T sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy tổng số tiền mà Nguyễn Thị T chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị O, bà Lê Thị T1 và chị Cao Thị T2 là 379.000.000đ (*Ba trăm bảy chín triệu đồng*).

Sau khi chiếm đoạt số tiền của chị O, bà T1 và chị T2 thì ngày 01/6/2018 T đã bỏ trốn vào tỉnh Bình Dương. Đến ngày 03/10/2018 thì T đến Cơ quan CSĐT Công an huyện QL xin đầu thú về Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên. Tại Cơ quan điều tra T đã Khai nhận toàn bộ Hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-QL ngày 16/01/2019 của VKSND huyện QL, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T ra trước Toà án nhân dân huyện QL để xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; điểm s, p khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS. Xử phạt: Nguyễn Thị T mức án từ 7,5 năm đến 8 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho chị Nguyễn Thị O 150.000.000 đồng, bồi thường cho bà Lê Thị T1 159.000.000 đồng, bồi thường cho chị Cao Thị T2 70.000.000 đồng.

- Đối với Nguyễn Hữu K hiện nay không có mặt tại nơi cư trú, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh khi nào có cơ sở sẽ xử lý sau. Đối với những người cho vay qua điều tra xác định đây là giao dịch dân sự không liên quan đến vụ án này nên sẽ giải quyết trong vụ án dân sự khi có đơn yêu cầu tại Tòa án.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo pH chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định của cơ quan cánh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện QL; Hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng được ban Hành đúng quy định, đúng thẩm quyền. Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên toà hôm nay bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo Nguyễn Thị T có ý thức chiếm đoạt tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân nên đã bằng hành vi lừa dối để chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị O 150.000.000 đồng, bà Lê Thị T1 159.000.000 đồng, chị Cao Thị T2 70.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS.

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách ngang nhiên, thể hiện sự xem thường pháp luật, sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra. Vì vậy cần lên một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên sau khi bỏ trốn bị cáo đã ra đầu thú hành vi phạm tội của mình, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã khai báo thành khẩn thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo là người khuyết tật nặng được hưởng trợ cấp hàng tháng, có bố bị cáo là Thương binh, là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng ba, mẹ bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng Chiến hạng nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, p khoản 1 khoản 2 điều 51 BLHS. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản gì lớn nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[5] Theo lời khai của T sau khi vay tiền đã đưa cho anh trai là Nguyễn Hữu K, sinh 1976, trú tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ an. Nhưng hiện nay K không có mặt tại địa phương, khi nào điều tra rõ sẻ xử lý sau.

Đối với những người cho vay khác đều cho rằng bị T lừa đảo để chiếm đoạt tài sản, qua điều tra xác minh chưa có cơ sở để chứng minh được H1nh vi lừa đảo nên xác định là người làm chứng trong vụ án. Khi nào có cơ sở sẽ xem xét xử lý sau. Đối với các giao dịch dân sự thông thường sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho chị Nguyễn Thị O 150.000.000 đồng, bồi thường cho chị Lê Thị T1 159.000.000 đồng, bồi thường cho chị Cao Thị T2 70.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Thị T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 10/10/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 BLHS; Điều 589 BLDS;

Buộc Nguyễn Thị T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị O 150.000.000 đồng, bồi thường cho bà Lê Thị T1 159.000.000 đồng, bồi thường cho chị Cao Thị T2 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 18.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ pH1 toà
(đã ký)

Nguyễn Anh Sơn

Nơi nhận:
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện QL
- THA dân sự, THA hình sự
- TAND tỉnh NA;
- UBND xã QG;
- Lưu hồ sơ, VP